

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO SAM VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO SAM VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAM VIETNAM ARTIFICIAL INTELLIGENCE TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110312139

**3. Ngày thành lập:** 06/04/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 21, Thôn Chùa Ngụ, Xã Đắc Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.22523626

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4651        |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4652        |
| 3.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9511        |
| 4.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6201        |
| 5.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6202        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin; Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Tích hợp hệ thống chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Thiết kế lưu trữ duy trì trang thông tin điện tử; Bảo hành , bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin; Cập nhật tìm kiếm lưu trữ xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu; Đào tạo công nghệ thông tin; | 6209(Chính) |
| 7.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6311        |
| 8.  | Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6312        |
| 9.  | Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn thuế, kế toán, kiểm toán và chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7020        |
| 10. | Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310        |
| 11. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2610        |
| 12. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2620        |
| 13. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2630        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2640        |
| 15. | Xuất bản phần mềm (loại trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5820        |
| 16. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3312        |
| 17. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3313        |
| 18. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3314        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>QUANG ĐỊNH | Thôn Chùa Ngụ,<br>Xã Đắc Sở,<br>Huyện Hoài Đức,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 50,000       | 0010860072<br>96                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                    | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN BÁ<br>ĐỨC     | Thôn Đông Hạ,<br>Xã Đắc Sở,<br>Huyện Hoài Đức,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 40.000        | 400.000.000              | 40,000       | 0010880486<br>17                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                    | Tổng số                            | 40.000        | 400.000.000              | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                      |                           |       |            |       |              |
|---|---------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|-------|--------------|
| 3 | TRỊNH THỊ HUỆ | Thôn Đông Hạ, Xã Đắc Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 5.000 | 50.000.000 | 5,000 | 027188010689 |
|   |               |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |               |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |               |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |               |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |               |                                                                      | Tổng số                   | 5.000 | 50.000.000 | 5,000 |              |
|   |               |                                                                      |                           |       |            |       |              |
| 4 | NGUYỄN THỊ HÀ | Thôn Chùa Ngụ, Xã Đắc Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 5.000 | 50.000.000 | 5,000 | 001188004288 |
|   |               |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |               |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |               |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |               |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |               |                                                                      | Tổng số                   | 5.000 | 50.000.000 | 5,000 |              |
|   |               |                                                                      |                           |       |            |       |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG ĐỊNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 19/02/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001086007296

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Chùa Ngụ, Xã Đắc Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Chùa Ngụ, Xã Đắc Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội